

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TCKH

Long Biên, ngày tháng năm 2025

V/v báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024.

Kính gửi:

- Các phòng, ban, hội, đoàn thể;
- UBND các phường;
- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận.

Thực hiện Văn bản số 967/STC-TCHCSN ngày 13/02/2025 của Sở Tài chính Hà Nội về việc đôn đốc báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024.

Để có cơ sở báo cáo Sở Tài chính Hà Nội theo quy định, UBND quận Long Biên yêu cầu các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2024 theo một số nội dung như sau:

1. Đối với cơ quan hành chính nhà nước (Các phòng, ban, hội, đoàn thể và UBND các phường): Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị theo **Mẫu số 06** kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ: Tài chính - Nội vụ và tổng hợp số liệu theo **Phụ lục số 01 - CQNN** kèm theo Công văn này.

2. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị theo **Phụ lục số 6** kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và tổng hợp số liệu theo **Phụ lục số 02a và 02b - ĐVSN** kèm theo Công văn này.

Các đơn vị tổng hợp, gửi báo cáo bản scan dấu đỏ (qua phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp) trước **16 giờ ngày 26/02/2025** theo các địa chỉ email sau:

- Khối phòng, Đội quản lý trật tự đô thị, Trung tâm văn hoá - Thông tin và thể thao, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên: **hoangminhnghia_longbien@hanoi.gov.vn**

- Khối phường, Ban Quản lý dự án và Đầu tư xây dựng, Trung tâm phát triển quỹ đất: **nguyenhaiha_longbien@hanoi.gov.vn**

- Văn phòng Quận ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Long Biên, Đoàn thể, Trung tâm chính trị, các hội: **linhtc8558@gmail.com**

- Khởi trường học: **phanthimai_longbien@hanoi.gov.vn**

UBND quận Long Biên yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCKH (02b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Hà

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005
VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Cấp Huyện, xã		Cấp Thành phố
			Cấp Huyện	Cấp xã	
I	VỀ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI				
-	Số đơn vị				
-	Số đơn vị đã thực hiện giao tự chủ				
-	Số đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ				
II	VỀ BIÊN CHẾ				
1	Tổng số biên chế được giao (người)				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức				
-	HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				
-	HĐLĐ theo định mức				
-	Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
2	Số biên chế có mặt (người)				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức				
-	HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				
-	HĐLĐ theo định mức				
-	Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
3	Số biên chế tiết kiệm được (người)				
-	Biên chế công chức				
-	Biên chế viên chức				
-	HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				
-	HĐLĐ theo định mức				
-	Số đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
4	Số đơn vị thực hiện tiết kiệm biên chế trên tổng số đơn vị thực hiện (đơn vị)				
5	Phân tích nguyên nhân tăng giảm (người)				
a	Đối với Công chức, Viên chức				
-	Về hưu, nghỉ theo chế độ				
-	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức				
-	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ...				
b	Đối với HĐLĐ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP				
-	Về hưu, nghỉ theo chế độ				
-	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức				
-	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ...				
c	Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
-	Về hưu, nghỉ theo chế độ				
-	Chuyển công việc khác do sắp xếp tổ chức				
-	Nguyên nhân khác: chưa tuyển dụng đủ ...				
III	VỀ KINH PHÍ (Triệu đồng)				
1	Kinh phí quản lý hành chính được giao (1=2+3)				

STT	Nội dung	Tổng số	Cấp Huyện, xã		Cấp Thành phố
			Cấp Huyện	Cấp xã	
2	Kinh phí thực hiện tự chủ được giao				
a	Chi tổng quỹ lương, phụ cấp				
-	Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp của biên chế được giao				
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã, phường, thị trấn (không bao gồm thôn, tổ dân phố và đối tượng khác)				
b	Chi khác				
	Trong đó:				
-	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của công chức				
-	Chi đảm bảo hoạt động thường xuyên theo định mức phân bổ của hợp đồng lao động làm công việc thừa hành, phục vụ				
-	Chi sử dụng phương tiện phục vụ công tác chung				
-	Kinh phí chi khác đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
3	Kinh phí không tự chủ				
4	Số kinh phí tự chủ tiết kiệm được				
	Trong đó:				
-	Tiết kiệm chi quỹ lương CBCC, HĐLĐ (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)				
-	Tiết kiệm quỹ phụ cấp người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
-	Tiết kiệm các khoản chi khác đối với CBCC, HĐLĐ (ngoài quỹ lương)				
-	Tiết kiệm chi khác (ngoài quỹ phụ cấp) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã				
5	Tỷ lệ kinh phí tự chủ tiết kiệm được so với kinh phí tự chủ được giao (%)				
6	Số đơn vị tiết kiệm kinh phí trên tổng số đơn vị tự chủ				
7	Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được (triệu đồng)				
a	Chi thu nhập tăng thêm				
b	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn				
c	Trích quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
IV	KẾT QUẢ VỀ THU NHẬP TĂNG THÊM				
1	Hệ số tăng thu nhập				
-	Không chi thu nhập tăng thêm				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,1 lần đến dưới 0,2 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,2 lần đến dưới 0,3 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,3 lần đến dưới 0,4 lần				
-	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ 0,4 lần trở lên				
2	Mức thu nhập tăng thêm bình quân/người/tháng (nghìn đồng)				
3	Mức thu nhập tăng thêm cao nhất/người/tháng (nghìn đồng)				
4	Mức thu nhập tăng thêm thấp nhất/người/tháng (nghìn đồng)				

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NĂM 2024 (*)**

T T	Tên đơn vị (Chi tiết theo đơn vị)	1. Tổng số đơn vị SNCL	Trong đó, số lượng đơn vị được giao tư chủ tài chính	2. Tổng số người làm việc được giao			3. Tổng số người làm việc có mặt đến 31/12/2024	Trong đó			4. Nguồn tài chính (triệu đồng)							5. Sử dụng nguồn tài chính (triệu đồng)							6. Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)				7. Tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên (%)	8. Tổng kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (triệu đồng)	9. Thu nhập bình quân tăng thêm (triệu /người/năm)	10. Hệ số thu nhập tăng thêm (lần quỹ tiền lương)	11. Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)																				
				Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng		Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN	Biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng	Tổng số	Ngân sách nhà nước cấp					Tổng số	Chi từ nguồn NSNN cấp					Chênh lệch thu chi thường xuyên năm (1)	Trích quỹ PTHĐSN	Trích quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích quỹ khác (nếu có) (2)	Vốn vay của các tổ chức tín dụng					Số đã trả nợ cho các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Số đã trả nợ cho cán bộ, viên chức																		
												a) NSNN đất hàng, hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	b) NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tư chủ	c) NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tư chủ	d) Nguồn thu phí được để lại chi	e) Nguồn thu dịch vụ khác		f) Nguồn vay nợ, viện trợ	g) Nguồn khác	a) Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	b) Chi thường xuyên giao tư chủ	Trong đó quỹ lương														c) Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tư chủ	d) Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó quỹ lương	e) Chi hoạt động dịch vụ khác	Trong đó quỹ lương	f) Chi vay nợ, viện trợ	g) Chi khác											
				14	15	16		17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37					38	39	40	41	42	43	44	45	46												
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46									
Tổng số																																																					
A	Lĩnh vực.....																																																				
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																																																				
	Chi tiết đơn vị																																																				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																																																				
	Chi tiết đơn vị																																																				
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																																																				
	Chi tiết đơn vị																																																				
V	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																																																				
	Chi tiết đơn vị																																																				

(*) Các chi tiêu ở biểu trên theo số thực hiện năm
 (1) Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ
 (2) Thuyết minh chi tiết Quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
NĂM 2025 (*)**

T T	Tên đơn vị (Chi tiết theo đơn vị)	1. Tổng số đơn vị SNCL	Trong đó, số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính	2. Tổng số người làm việc được giao			3. Tổng số người làm việc có mặt	Trong đó			4. Nguồn tài chính (triệu đồng)							5. Sử dụng nguồn tài chính (triệu đồng)							6. Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					7. Tỷ lệ tự đảm bảo chi thường xuyên (%)	8. Hệ số thu nhập tăng thêm (lần quỹ tiền lương)	9. Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)														
				Biên chế viên chức lương từ NSNN	Biên chế viên chức lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng		Biên chế viên chức lương từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị	Số lao động hợp đồng	Tổng số	Ngân sách nhà nước cấp			d) Nguồn thu phí được để lại chi	e) Nguồn thu dịch vụ khác	f) Nguồn vay nợ, viện trợ	g) Nguồn khác	Tổng số	Chi từ nguồn NSNN cấp				Chênh lệch thu chi thường xuyên năm (1)	Trích quỹ PTHDSN	Trích quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích quỹ khác (nếu có) (2)	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ cho các tổ chức tín dụng			Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Số đã trả nợ cho cán bộ, viên chức													
											a) NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	b) NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	c) NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ						a) Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Trong đó quỹ lương	b) Chi thường xuyên giao tự chủ	Trong đó quỹ lương												c) Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	d) Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó quỹ lương	e) Chi hoạt động dịch vụ khác	Trong đó quỹ lương	f) Chi vay nợ, viện trợ	g) Chi khác						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44				
	Tổng số																																													
A	Lĩnh vực.....																																													
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																																													
	Chi tiết đơn vị																																													
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																																													
	Chi tiết đơn vị																																													
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																																													
	Chi tiết đơn vị																																													
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên																																													
	Chi tiết đơn vị																																													

(*) Các chi tiêu ở biểu trên theo số liệu dự kiến của năm hiện hành
 (1) Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ
 (2) Thuyết minh chi tiết Quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.